TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 31/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đỗ Toàn

Ông Nguyễn Thành Biên

- *Th- ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX- ST ngày 16/5/2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Khắc D**, sinh năm 1971

Địa chỉ: khu 1 T, thị trấn M, Kinh Môn, Hải Dương

- *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT: khu 1 T, thị trấn M, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ: thôn T, xã T1, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Khắc T, sinh năm 1967

Địa chỉ: khu 1 T, thị trấn M, Kinh Môn, Hải Dương

+ Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1948

Địa chỉ: thôn T, xã T1, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Anh D có mặt;chị M, anh T và bà T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn- anh Trần Khắc D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Anh D và chị M được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2000. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dậy con chung. Thời gian đầu cuộc vui vẻ bình thường. Nhưng nhiều năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung, chỗ ở và việc nuôi dậy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên không có tiếng nói chung nên anh D và chị M quyết định sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm lo gì cho nhau. Nay, anh D xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn chị M để hai bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Vĩ Đại, sinh ngày 03/12/2000. Hiện đã trưởng thành nên không phải giải quyết việc giao nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện vợ chồng anh D, chị M không có gì tranh chấp.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2019, bị đơn- chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ vợ chồng, và con chung: Chị M xác nhận đúng như trình bày của anh D tại Tòa án; Anh D, chị M được tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được những năm đầu. Nhưng nhiều năm nay do cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn bất đồng về cách làm ăn kinh tế và nuôi dậy con chung nên dẫn đến vợ chồng liên tục cãi nhau, hạnh phúc gia đình không còn. Cuộc sống thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi nhau, gia đình hai bên đều khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Năm 2016 anh D đã làm đơn ly hôn ra Tòa án một lần. Được sự hòa giải của hai bên gia đình nên anh D sau đó đã làm thủ tục rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn không hòa hợp,

không có tiếng nói chung và không về chung sống cùng nhau. Nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân, không còn chăm lo gì cho nhau là đúng. Nay, anh D làm đơn ly hôn, chị M nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Vĩ Đại, sinh ngày 03/12/2000, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án phân chia giao nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không có gì tranh chấp, phải giải quyết.

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn M và Ủy ban nhân dân xã T1, phản ánh nội dung: Anh D, chị M làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2000. Hai bên sống ly thân nhiều năm nay là đúng thực tế; thời gian còn chung sống cùng nhau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô sát, không được hòa thuận hạnh phúc.

Lời khai của bà Ngô Thị T2 là mẹ đẻ của chị M và lời khai của anh Trần Khắc T là anh trai của anh D cùng xác nhận: Hiện anh D và chị M đang sống ly thân, không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau. Khi còn chung sống cùng nhau vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh D được ly hôn chị M; Về con chung, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra việc xem xét giải quyết. Về án phí, xử: Anh D phải nộp nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D, chị M được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D- ơng vào ngày 22/01/2000 nên đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị M đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của anh D là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của anh D xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của các đ- ơng sự trình bày tại Toà án, cung cấp của đại diện chính quyền địa ph- ơng nơi đ- ơng sự c- trú, lời khai của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu đ- ợc thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng anh D, chị M nhiều năm nay không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nơi ở chung và việc nuôi dậy con chung. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết đ- ợc. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng vẫn không đ- ợc cải thiện. Nhiều năm nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân chị M đã nhận đ- ợc thông báo phiên hòa giải nh- ng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ chị M cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng anh D, chị M đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt đ- ợc nên cần chấp nhận yêu cầu của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] Về con chung: Vợ chồng anh D, chị M có con chung là Trần Vĩ Đại, sinh ngày 03/12/2000, hiện đã trưởng thành nên không phải xem xét, giải quyết trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện anh D, chị M đều xác định không có gì tranh chấp phải xem xét, giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, anh D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Chị M không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Khắc D được ly hôn chị Bùi Thị M.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Khắc D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002098 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh D đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

4. □n xử công khai sơ thẩm. Toà án báo cho anh D biết đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Chị M biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- UBND thị trấn M;
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Anh Tuyết